TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng.

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Hồng N, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 6C/52 tổ dân phố P 1, phường Đ 1, quận H, thành phố H; nơi ở hiện nay: Số 01/13/149 đường P, phường Đ 1, quận H, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 6C/52 Tổ dân phố P 1, phường Đ 1, quận H, thành phố H; có mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Anh Trần Văn K;

2. Chị Nguyễn Thị T;

3. Anh Đặng Đình B;

4. Anh Mai Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 01 năm 2019 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn K trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh T. Sau cưới vợ chồng sinh sống tại Số 6C/52 P1, phường Đ 1, quận H, thành phố H. Quá trình chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế, anh K mải chơi, không quan tâm đến vợ con, nhiều lần hành hung chị. Mặc dù đã được 2 bên gia đình động viên, khuyên bảo, hòa giải xong không có kết quả. Hiện tại thì vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018, không ai còn quan tâm đến ai, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị Đỗ Thị Hồng N xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 28/9/2013 và Nguyễn Diệu H, sinh ngày 15/6/2017. Hiện tại con Nguyễn Tuấn H đang do anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, con Nguyễn Diệu H đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi hai con; việc cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không có yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2019, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn K (bị đơn) trình bày:

Anh công nhận lời khai của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn, hình thức kết hôn và một phần nguyên nhân mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N có đơn ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con là Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 28/9/2013 và Nguyễn Diệu H, sinh ngày 15/6/2017. Hiện tại con Nguyễn Tuấn H đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng, con Nguyễn Diệu H đanh do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, anh đề nghị tiếp tục giữ nguyên tình trạng như hiện tại, anh nuôi con Nguyễn Tuấn H và chị N nuôi con Nguyễn Diệu H; việc cấp dưỡng nuôi con anh tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Diệu H một tháng là 5.000.000 đồng, kể từ tháng 08/2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên xử theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Hồng N, áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đỗ Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn

K; về con chung: xử áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 28/9/2013 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Diệu H, sinh ngày 15/6/2017 cho chị Đỗ Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Anh K, chị N để tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn K vẫn đang sinh sống, cư trú tại số 6C/52 P 1, phường Đ 1, quận H, thành phố H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét chị Đỗ Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh T vào tháng 12/2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N, anh K là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương, trên cơ sở ý kiến của tổ dân phố của chị N, anh K đều có quan điểm cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi nhau, với nguyên nhân bất đồng trong sinh hoạt, lối sống, kinh tế và nuôi dạy con cái. Hiện tại vợ chồng sống ly thân từ năm 2018, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị N, anh K cũng đều thừa nhận mâu thuẫn xảy ra thường xuyên và xác nhận tình cảm vợ chồng không còn.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hồng N đối với anh Nguyễn Văn K theo các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N, anh K có hai con chung là Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 28/9/2013 và Nguyễn Diệu H, sinh ngày 15/6/2017. Hiện tại chị N đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Diệu H, anh K đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn H. Trường hợp ly hôn chị N đề nghị nuôi cả hai con, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Tuấn H và tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Diệu H là 5.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt quyền lợi của các con chưa thành niên, bản thân chị N hiện đang nuôi dưỡng con Nguyễn Diệu H, anh K đang nuôi dưỡng con Nguyễn Tuấn H, các con đều đang sống ổn định cùng với bố và mẹ. Chị N, anh K đều có công việc và thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng ly thân năm 2018 đến nay thì cháu Nguyễn Tuấn H vẫn do anh K chăm sóc, cháu Nguyễn Diệu H vẫn do chị N chăm sóc, việc nuôi con của anh K, chị N vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Việc chị N cho rằng anh K và gia đình anh K có hành vi ngược

đãi cháu H là không có căn cứ chứng minh. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung trưởng thành, cũng như không làm xáo trộn cuộc sống của các con, không chấp nhận với đề nghị nuôi cả hai con của chị N. Nên cần giao con Nguyễn Diệu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Tuấn H cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc đóng góp 5.000.000 đồng/ tháng đối với cháu H kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 4, Điều 147; và khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 3; điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Đỗ Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Diệu H, sinh ngày 15/6/2017; giao cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 28/9/2013 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con : Anh Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ đóng góp 5.000.000 đồng/ tháng cho con Nguyễn Diệu H kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Diệu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Đỗ Thị Hồng N có đơn đề nghị thi hành án nếu anh Nguyễn Văn K không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải thanh toán thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất cơ bản do ngân Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu: AA/2016 số 0004837 ngày 31/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, thành phố H. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

Nguyễn Ngọc Cường

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Văn Hiếu Nguyễn Minh Hằng

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiếu Nguyễn Minh Hằng **Nguyễn Ngọc Cường**

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Hiếu Nguyễn Minh Hằng	**Nguyễn Ngọc Cường**